



NGŨ LIỆU VĂN BẢN DẠY HỌC LÀM VĂN MIÊU TẢ QUA HAI CUỐN SÁCH GIÁO KHOA

*Lê Thị Ngọc Chi, Nguyễn Phước Bảo Khôi**

Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-12-2016; ngày phân biện đánh giá: 20-01-2017; ngày chấp nhận đăng: 15-4-2017

TÓM TẮT

Một trong những yếu tố quan trọng của việc dạy làm văn (LV) là công việc lựa chọn và sử dụng ngữ liệu văn bản (NLVB). Đặc biệt đối với văn miêu tả, NLVB vừa có vai trò như những văn bản mẫu mực về phương thức biểu đạt miêu tả, vừa cung cấp thêm sự hiểu biết cho học sinh (HS) về thế giới xung quanh. Vì vậy, tìm hiểu các bộ sách giáo khoa (SGK) trước đây để thấy được cách thức và quan niệm lựa chọn, sử dụng ngữ liệu văn bản của những người đi trước sẽ mang lại những kinh nghiệm rất cần thiết trong việc dạy học LV.

Từ khóa: dạy làm văn, ngữ liệu văn bản, văn miêu tả.

ABSTRACT

Textual Materials in Teaching Descriptive Text Composition in Two Textbooks

An important element in teaching composition is the selection and use of textual materials. Especially regarding descriptive writing, textual materials provide students with both standards of descriptive methods and additional knowledge on their surrounding world. The examination of previous textbooks to identify their method and viewpoint in selection and use of textual materials therefore will provide necessary experiences in teaching composition.

Keywords: teaching composition, textual materials, descriptive writing.

1. Vai trò của ngữ liệu văn bản trong việc dạy học làm văn

1.1. Từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê, 2003, tr.695) nêu định nghĩa ngữ liệu là “tư liệu ngôn ngữ được dùng làm căn cứ để nghiên cứu ngôn ngữ”. Trong tiếng Anh, thuật ngữ *corpus* cũng có ý nghĩa tương tự như *ngữ liệu*, đó là kho dữ liệu ngôn ngữ, là một tập hợp các tài liệu ở dạng viết hoặc nói, được lưu trữ trong máy tính và được sử dụng để tìm hiểu cách thức hoạt động của ngôn ngữ. Như vậy, từ những định nghĩa trên, chúng ta có thể hiểu ngữ liệu là các tài liệu

ngôn ngữ dùng để minh họa cho những kiến thức lí thuyết về ngôn ngữ hoặc dùng để nghiên cứu ngôn ngữ.

Với môn Ngữ văn, phương pháp phân tích ngữ liệu thường được sử dụng khi dạy hai phân môn Tiếng Việt và LV (LV); vì thế ngữ liệu là yếu tố đặc biệt cần thiết trong việc dạy học các phân môn này. Trong dạy học LV, có thể hiểu NLVB (còn được gọi là *mẫu*) là ***các văn bản hoặc đoạn trích văn bản được sử dụng để hình thành cho HS kiến thức và kĩ năng tạo lập các loại văn bản.***

* Email: npbkhoiaval@yahoo.com

1.2. Khái niệm trên cũng đã nêu một cách khái quát vai trò của NLVB trong dạy học LV, đó chính là *làm mẫu* để HS dựa vào đó mà học theo, giáo viên (GV) dựa vào đó mà hướng dẫn HS cách học theo để hình thành kỹ năng viết. Lê Xuân Mậu (2008) đã khẳng định vai trò của NLVB như sau: “Đã là học một kỹ năng thì phải **học theo mẫu**, phải học **làm theo một quy trình**. [...] Cần phân biệt sao chép theo mẫu và học theo mẫu, [...]. Trước khi viết văn sáng tạo, các nhà văn đều đi tìm các “mẫu” để học, tìm các bậc thầy để học “bí quyết”, tham khảo “cách làm”. Đối với văn miêu tả, NLVB còn có thêm một vai trò quan trọng, đó là giúp HS “tái quan sát” khi các em tìm đọc những bài thơ, những đoạn văn tả cảnh hấp dẫn, đọc lại nhiều lần để suy ngẫm xem tác giả đã miêu tả bằng những chi tiết nào khiến mình thấy thích thú, thấy rung động. Hỏi thêm hay tranh luận cùng người khác xem mình cảm nhận các chi tiết ấy đúng chưa. Xa hơn chút nữa, phải nghĩ xem vì sao các tác giả lại chọn được những chi tiết ấy. Điều cần chú ý là cách quan sát của tác giả chứ đừng nhại lại kết quả quan sát của các nhà văn, bởi vì như vậy sẽ nhàm chán và hơn nữa, đó không phải là sản phẩm của mình làm ra. [...] Chính những kết quả quan sát của các nhà văn trong sách vở sẽ trở thành vốn tri thức cần thiết giúp chúng ta rất nhiều trong những phát hiện mới về thế giới xung quanh (Đỗ Ngọc Thống, 2007, tr.101). Lời khuyên trên đã khẳng định vai trò của NLVB trong dạy LV miêu tả và đưa ra những gợi ý về cách chọn lựa, khai thác NLVB để hướng dẫn HS học

cách viết văn miêu tả.

2. Sơ khảo về hệ thống NLVB được lựa chọn, sử dụng để dạy LV miêu tả trong tài liệu *Giảng văn lớp bảy* (Đỗ Văn Tú) và SGK *Ngữ văn 6* (tập 2) hiện hành

2.1. Tài liệu “*Giảng văn lớp bảy*” (Đỗ Văn Tú)

2.1.1. Về số lượng, người biên soạn đã tuyển chọn 47 NLVB với các đề tài phong phú, được chia thành bốn phần: *tả động vật* (3 NLVB), *tả thực vật* (3 NLVB), *tả người* (19 NLVB), *tả cảnh* (22 NLVB). Phần lớn các NLVB được trích dẫn từ các tác phẩm của các tác giả trong nước, có 4 ngữ liệu của các tác giả nước ngoài như Jack London (*Miêu Kỳ, Trên võ đài*), A.J. Cronin (*Một chiến sĩ*), Edgar Allan Poe (*Xoáy nước*).

2.1.2. Về bố cục, mỗi NLVB thường được trình bày theo thứ tự như sau:

A. Nhan đề

B. Văn bản (thường là các đoạn trích)

C. Bình giảng

- I.** Phần giới thiệu (Văn thể, xuất xứ, tác giả, tác phẩm)
- II.** Phần phân tích (Giải nghĩa từ, bố cục, đại ý và chủ đích)
- III.** Phần nhận xét và phê bình
 - 1)** Nội dung (Các câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung văn bản)
 - 2)** Hình thức (Các câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu hình thức văn bản)
 - 3)** Tổng kết (Nhận xét chung về văn bản của người biên soạn)

D. Tập làm văn: (Một đề LV áp dụng)

Trong 47 NLVB được giới thiệu, chỉ gần một nửa trong số đó (21 NLVB) được biên soạn như là những văn bản để HS học theo tinh thần của một bài giảng văn, tích

hợp dạy Tiếng Việt và LV. Các NLVB còn lại thường chỉ có nội dung **A, B**, và thêm một số phần hỗ trợ HS tự đọc văn bản như *lược giảng, chú thích, các ý kiến nhận xét của người biên soạn về nội dung và hình thức của văn bản*.

Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến mục **B**, NLVB được trình bày ở phần này thường được người biên soạn lựa chọn kĩ để phục vụ cho mục đích dạy LV miêu tả. Mặc dù chỉ là đoạn trích nhưng bố cục được phân chia rõ ràng; **từng phần đều được đánh số/ kí tự** để giúp người đọc dễ theo dõi, phục vụ rất hiệu quả cho việc dạy HS về kết cấu của một bài văn.

Ví dụ. NLVB *Mưa phùn* trích từ tác phẩm *Đọc đường gió bụi* (Khái Hưng) (tr.127) được bố cục như sau

I. *Bằng ngòi chờ bên lò sưởi, thân thờ nhìn qua cửa vách ra sân sau.*

II. *Mưa phùn vẫn lấm tẩm. Một cái giậu nửa đã nát vẩy mầu sân vuông nhỏ và bóng nhoáng như mỡ. Mái tranh tí tách nhỏ giọt theo miếng mo buộc vào thân cây cau, một dòng nước manh manh chảy lan tanh vào một cái vại sành.*

Bên vại, một con gà mái ướt sướt ướt đứng ủ rũ, thỉnh thoảng lại rùng mình và khàn khàn kêu se se. Sát giậu, mấy bông hoa hồng quế đỏ thắm rung rinh ở đầu cành mảnh khảnh. Đó là những nét chấm sắc tươi trong một cảnh toàn màu nâu thẫm.

III. *Ngoài xa, phong cảnh ẩn sau cái màn bụi trắng của mưa bay mật mờ...*

2.1.3. Về cách khai thác NLVB, quan điểm dạy học tích hợp thể hiện rõ qua các câu hỏi trong *Phần nhận xét và phê bình*. Từ một NLVB, GV vừa hướng dẫn HS tìm

hiểu nội dung văn bản, vừa mở rộng hiểu biết về tiếng Việt và hướng dẫn HS học tập cách viết của tác giả để LV.

Ví dụ. Với trường hợp NLVB *Mưa phùn* đã nêu, người biên soạn đã đặt một số câu hỏi nhằm mục đích dạy HS cách LV **tả cảnh** như: *Tác giả tả theo một thứ tự nào? Cách dàn xếp ý tưởng (kết cấu) có hợp lí và nhất chí không? Tác giả tả tỉ mỉ nhiều nét rườm rà trong cảnh này hay chỉ phác hoạ những nét đặc sắc? Chứng minh. Đây là cảnh đại thể hay là một cảnh thu hẹp trong một khung cảnh nhỏ mà tầm mắt bị hạn chế? (Để ý vị trí của Bằng)* (tr.128).

2.2. **Sách giáo khoa “Ngữ văn 6” (tập 2) hiện hành**

2.2.1. Về số lượng, trong SGK này có tất cả 15 NLVB được sử dụng để dạy học đọc hiểu, 13/15 NLVB đã được sử dụng, khai thác theo những mức độ khác nhau để dạy LV miêu tả cho HS. 13 NLVB ấy được lựa chọn đa dạng hóa về thể loại (tự sự, trữ tình, bút kí, chính luận), phân theo cơ cấu 11 ngữ liệu của tác giả Việt Nam và 2 ngữ liệu của tác giả nước ngoài.

2.2.2. Về bố cục, mỗi NLVB thường được trình bày theo thứ tự như sau:

A. Kết quả cần đạt

B. Nhan đề

C. Văn bản (toàn văn hoặc đoạn trích)

D. Chú thích

I. Kiến thức nền (Tác giả, tác phẩm)

II. Giải nghĩa từ

E. Đọc hiểu văn bản (gồm những câu hỏi theo từng mức độ nhận thức)

F. Ghi nhớ (nêu đại ý – chủ đề của văn bản)

G. Luyện tập: (thường là bài tập viết đoạn văn tự sự, miêu tả)

H. Đọc thêm (văn bản bổ sung để làm rõ nội dung, ý nghĩa của văn bản vừa học)

Ngoại trừ phần **E** sẽ bàn ở mục sau, có thể nhận thấy các phần **A, F, G** đã phần được triển khai theo định hướng giúp HS có được những hiểu biết chung về cách thức miêu tả, nhận xét được nghệ thuật miêu tả của các tác giả trong NLVB và rèn luyện viết đoạn miêu tả theo yêu cầu.

Ví dụ. Trong NLVB *Bài học đường đời đầu tiên* (tr.3-11) trích từ tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài):

- Phần **Kết quả cần đạt** (cho phần LV) có nêu yêu cầu cần giúp HS “*Nắm được những hiểu biết chung về văn miêu tả; những yêu cầu của văn tả cảnh và tả người*”;
- Phần **Ghi nhớ** nhấn mạnh “*Nghệ thuật miêu tả loài vật của Tô Hoài rất sinh động, cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn, ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình*”;
- Phần **Luyện tập** có nội dung “*Ở đoạn cuối truyện, sau khi chôn cất Đế Choắt, Đế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nắm mồ của người bạn xấu số. Em thử hình dung tâm trạng của Đế Mèn và viết một đoạn văn diễn tả lại tâm trạng ấy theo lời của Đế Mèn*”.

2.2.3. Về cách khai thác NLVB, có thể nhận thấy SGK lớp 6 hiện hành (tập 2) nhất quán khá triệt để với định hướng dạy học tích hợp và định hướng này được triển khai bằng hai hình thức sau:

Thứ nhất, câu hỏi tìm hiểu bài trong phần **Đọc hiểu văn bản** của từng NLVB rất có ý thức hướng đến việc hình thành, củng cố khái niệm, cách thức LV miêu tả cho HS và thường tập trung vào những dạng thức sau:

- Câu hỏi xác định trình tự miêu tả

- Câu hỏi liên quan đến đối tượng được miêu tả (xác định đối tượng; những phương diện của đối tượng được miêu tả; nhận xét, đánh giá về đối tượng)
- Câu hỏi liên quan đến các chi tiết/ hình ảnh/ từ ngữ được sử dụng để miêu tả đối tượng (phát hiện và nhận xét, đánh giá tác dụng của chúng)
- Câu hỏi liên quan đến chủ thể (tác giả văn bản) miêu tả (nhận xét, đánh giá về nghệ thuật miêu tả và thái độ, tình cảm thể hiện qua việc miêu tả).

Ví dụ. Trong NLVB *Sóng nước Cà Mau* (tr.22) trích từ tác phẩm *Đất rừng Phương Nam* (Đoàn Giỏi) có những câu hỏi như sau:

- *Bài văn miêu tả cảnh gì? Theo trình tự như thế nào? Dựa vào trình tự miêu tả ấy em hãy tìm bố cục của bài văn.*
- *Em hãy đọc kĩ lại đoạn văn “Thuyền chúng tôi chèo thoát qua... sương mù và khói sóng ban mai” và trả lời những câu hỏi sau:*
 - *Tìm những chi tiết thể hiện sự rộng lớn, hùng vĩ của dòng sông và rừng đước.*
 - *Tìm trong đoạn văn những từ miêu tả màu sắc của rừng đước và nhận xét cách miêu tả màu sắc của tác giả.*
- *Những chi tiết, hình ảnh nào về chợ Năm Căn thể hiện được sự tấp nập, đông vui, trù phú và độc đáo của chợ vùng Cà Mau?*
- *Qua bài văn này, em cảm nhận được gì về vùng Cà Mau cực Nam của Tổ quốc?*

Thứ hai, các văn bản được học sẽ trở thành những ngữ liệu quan trọng được phân tích, tìm hiểu kĩ trong những bài học về phương pháp LV miêu tả. Chúng tôi đã tiến hành thống kê về vấn đề này, kết quả cụ thể theo Bảng 1 sau:

Bảng 1. Sự xuất hiện của các NLVB trong những bài học về LV miêu tả

BÀI HỌC	NLVB						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tìm hiểu chung về văn miêu tả	X					X	
Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả	X	X					
Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả			X				
Phương pháp tả cảnh		X		X			
Phương pháp tả người				X			
Luyện nói về văn miêu tả					X		
Ôn tập văn miêu tả	X				X		X

❖ Chú thích:

- (1): Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài)
 (2): Sông nước Cà Mau (Đoàn Giỏi)
 (3): Bức tranh của em gái tôi (Tạ Duy Anh)
 (4): Vượt thác (Võ Quảng)
 (5): Buổi học cuối cùng (A. Đô-đê)
 (6): Lượm (Tố Hữu)
 (7): Cô Tô (Nguyễn Tuân)

3. Nhận xét và một số đề xuất về việc lựa chọn, sử dụng hệ thống NLVB để dạy LV nói chung và LV miêu tả nói riêng cho SGK mới sau 2018

3.1. Bước đầu có thể nhận thấy cả hai SGK được khảo sát có sự tương đồng quan trọng về định hướng dạy học tích hợp. Định hướng này được thể hiện rõ trong quan niệm về ngữ liệu để dạy học Ngữ văn, trong vấn đề lựa chọn và khai thác NLVB phục vụ trực tiếp cho việc dạy học LV. Đối chiếu với yêu cầu cần đạt trong việc dạy học LV miêu tả trong một số tài liệu chuyên ngành, các NLVB trong hai SGK này đều đáp ứng ở mức độ cao.

Tài liệu *Giảng văn lớp bảy* (Đỗ Văn Tú) **không có** những bài học cụ thể về lí thuyết và luyện tập kiểu bài LV miêu tả. Trước khi trình bày các NLVB, tác giả chỉ

đưa ra những định nghĩa ngắn gọn về các khái niệm trong văn miêu tả như *tả, miêu tả hay mô tả, tả người (hình dáng, tâm lí, toàn diện (hình dáng và tâm lí), tả xen, tả cảnh (cảnh sắc, cảnh trí, cảnh tượng, cảnh vật, khí tượng), tả hoạt cảnh*. Phần này có giá trị tham khảo thiết thực đối với cả người dạy và người học khi sử dụng các thuật ngữ nói trên. Vì thế có thể xem các NLVB được trích dẫn trong phần *Văn miêu tả* như là **các mẫu**, qua đó HS được hướng dẫn **làm theo** sau khi đã học giảng văn. Về việc lựa chọn văn bản, số lượng 47 NLVB trong khuôn khổ một cuốn SGK là khá lớn. Nhưng thật ra, như đã nêu ở trên, trong 47 NLVB được giới thiệu có đến hơn một nửa (26 NLVB) được sử dụng như những văn bản bổ sung, vừa hỗ trợ cho hoạt động giảng văn vừa minh họa chi tiết, toàn diện

cho các đề tài thường gặp trong văn miêu tả. Tiếp cận với hệ thống NLVB này, HS cũng có thể có thêm kiến thức về những đối tượng miêu tả mà bản thân không hoặc chưa có điều kiện để quan sát trực tiếp.

Ngược lại, SGK *Ngữ văn 6 (tập 2)* hiện hành hoàn toàn không có hệ thống văn bản bổ sung. Trong 13 NLVB được lựa chọn, sử dụng để dạy học LV miêu tả có 12 NLVB học chính thức và 1 NLVB dành cho HS tự học (có hướng dẫn). Tuy nhiên, SGK này lại **co** những bài học cụ thể về lí thuyết và luyện tập kiểu bài LV miêu tả (xem **Bảng 1**). Chính những bài học này là một cơ sở quan trọng để kiểm định sự phù hợp của việc lựa chọn, khai thác NLVB trong việc dạy học LV. Hơn nữa, 7/13 NLVB đã được sử dụng như là những ngữ liệu để phân tích, hướng dẫn cho HS cách LV miêu tả. Điều này vô tình tạo điều kiện cho HS đọc kĩ, đọc sâu, đọc có định hướng những NLVB đã được học, từ đó nâng cao hiệu quả đọc hiểu của HS bên cạnh việc củng cố khái niệm, cách thức LV miêu tả.

3.2. Từ việc sơ khảo hệ thống NLVB trong hai cuốn SGK trên, chúng tôi cho rằng để phát huy được vai trò hình thành cho HS năng lực tạo lập các loại văn bản, NLVB phải đáp ứng được một số yêu cầu sau:

- Một NLVB tốt không chỉ cần “có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, nhất là có tính chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ” (Bùi Mạnh Hùng, 2014) mà còn phải phù hợp với mục tiêu cụ thể của bài học, thuận lợi cho việc dạy học tích hợp (Nguyễn

Thành Thi, 2014). Trong định hướng xây dựng chương trình Ngữ văn mới, SGK sẽ không có bài học riêng về tiếng Việt, cũng không có bài riêng về kiến thức văn học, những khái niệm công cụ của Việt ngữ học, những kiến thức nền văn học cần thiết được giới thiệu, giải thích xung quanh VB đọc hiểu có liên quan và ở cuối bài học (Bùi Mạnh Hùng, 2014). Muốn vậy, NLVB phải “*đáp ứng được những dữ kiện để hình thành lí thuyết. Các dữ kiện này càng nhiều, càng đa dạng thì việc hình thành lí thuyết ở HS càng thuận lợi, càng dễ dàng*” (Lê A, 2010, tr.206). Điều này có nghĩa **định hướng tích hợp** sẽ là tiêu chí rất quan trọng trong việc lựa chọn, sử dụng hệ thống NLVB. Hệ quả của vấn đề này đặt ra tiêu chí tiếp theo là **tính đa trị** – NLVB được lựa chọn, sử dụng phải có khả năng khai thác để phát triển đồng thời năng lực giao tiếp và năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- NLVB phải **phù hợp với kiến thức nền của HS**; như vậy, NLVB được lựa chọn, sử dụng cần phù hợp với kinh nghiệm, hiểu biết, độ trưởng thành (năng lực nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí), mối quan tâm của HS ở từng lớp học, cấp học; giúp HS có hứng thú để đọc, viết, nói, nghe và có niềm vui trong học tập. (Bùi Mạnh Hùng, 2014).
- NLVB phải được **tập hợp thành một hệ thống tiêu biểu cho phương thức**

biểu đạt cần dạy cho HS. Các NLVB phải được sắp xếp tăng dần về độ phức tạp, tương ứng với yêu cầu cao dần về kiến thức, kỹ năng cần đạt (Nguyễn Thành Thi, 2014). Trong thực tế không có văn bản nào chỉ sử dụng duy nhất một phương thức biểu đạt, mà bao giờ cũng có sự kết hợp đan xen giữa phương thức chính và các phương thức bổ trợ. Đặc điểm này (sự kết hợp đan xen giữa phương thức chính và các phương thức bổ trợ) là một yếu tố quan trọng để xác lập độ phức tạp trong việc lựa chọn, sử dụng hệ thống NLVB để nâng cao chất lượng dạy LV nói chung và LV miêu tả nói riêng. Hơn thế, từ việc khảo sát SGK *Giảng văn lớp bảy*

(Đỗ Văn Tú), chúng tôi thấy hệ thống này bên cạnh các NLVB được dạy học chính thức còn cần các NLVB bổ sung (đọc thêm) cùng loại, tương đương về độ khó với các NLVB chính thức. Ngữ liệu phong phú trong SGK sẽ có vai trò như một nguồn tư liệu tham khảo dễ dàng tìm kiếm nhất đối với HS, vì không phải HS nào cũng có điều kiện để tiếp cận với các sách tham khảo khác ngoài SGK. Do đó, với mỗi loại văn bản được dạy, nhất là ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, người biên soạn SGK cung cấp cho GV và HS càng nhiều ngữ liệu phù hợp càng có hiệu quả tích cực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Ngữ văn 6* (tập 2). Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Lê A (chủ biên). (2010). *Phương pháp dạy học tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục, 206.
- Bùi Mạnh Hùng (2014). Phác thảo chương trình Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, 56, 23-41.
- Lê Xuân Mậu (30/9/2008). *Dạy tập làm văn: Rất cần nhìn lại khi dạy thực hành*. Khai thác từ <http://www.giaoduc.edu.vn/day-tap-lam-van-ve-chuong-trinh-sach-giao-khoa.htm>
- Hoàng Phê (chủ biên). (2003). *Từ điển Tiếng Việt*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng, 695.
- Trần Đình Sử (chủ biên). (2000). *Văn tường thuật, kể chuyện, miêu tả*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 84-89.
- Đỗ Ngọc Thống (chủ biên). (2007). *Làm văn*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 93-143.
- Nguyễn Thành Thi (2014). Năng lực giao tiếp như là kết quả phát triển tổng hợp kiến thức và các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe trong dạy học Ngữ văn. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, 56, 134-143.
- Đỗ Văn Tú (không rõ). *Giảng văn lớp bảy*. Sài Gòn: Việt Nam tu thư.